

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2024/DS-ST

Ngày 16-5-2024

*“V/v tranh chấp hợp đồng
thuê tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Lin;

Bà Trương Thị Kim Cương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 889/2023/TLST-DS, ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc *“Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 18/TB-TA ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Song H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, bà D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Song H trình bày như sau:

Ngày 18/4/2023, bà Nguyễn Thị Ngọc D có ký cam kết thuê máy may của bà H. Số máy may bà H cho bà D thuê gồm: 02 máy may 1 kim hiệu Jack đời mới, 02 máy vắt sổ hiệu Jack đời mới, 01 máy vắt sổ hiệu Jack đời mới tự động

cắt chỉ, tổng cộng là 05 máy, thời hạn thuê lâu dài, bà D đã trả cho bà H được hai tháng tiền thuê tổng là 5.200.000đồng

Ngày 19/5/2023, bà D tiếp tục ký cam kết thuê máy với bà H để thuê thêm máy may của bà H gồm: 03 máy may 1 kim hiệu Jack, 01 máy 01 kim hiệu Madi, 03 máy vắt sổ hiệu Jack, 01 máy vắt sổ điện tử hiệu Jack, 01 Kansai hiệu Jack, 01 Kansai Suriba, 01 vắt sổ Suriba, tổng cộng là 11 máy may. bà D cam kết sẽ thanh toán tiền thuê vào ngày 30 tây hàng tháng là 6.200.000đồng. Bà D mới thanh toán cho bà H được một tháng tiền thuê là 6.200.000đồng thì ngưng cho đến nay.

Ngày 31/5/2023, bà D có nhận thêm của bà H 04 máy may gồm: 01 máy 01 kim hiệu Jack, 01 máy 01 kim hiệu Sunsir, 01 máy 01 vắt sổ Madi, 01 máy 01 vắt sổ hiệu Jack, bà D đã trả được 01 tháng tiền thuê là 2.400.000đồng.

Tổng cộng 03 lần bà D thuê của bà H là 20 máy may. Tất cả máy may bà H giao cho bà D tại địa chỉ Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Đến nay bà H nhiều lần liên lạc nhưng bà D cố tình lẩn tránh. Tại địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An là nhà do bà D thuê cũng không còn số máy may bà H giao cho bà D thuê.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị Ngọc D phải trả một lần cho bà H giá trị của 20 máy may theo chứng thư định giá là 194.655.000đồng và bồi thường thiệt hại theo hợp đồng là 194.655.000đồng. Tổng số tiền bà D có nghĩa vụ trả cho bà H là 389.310.000đồng, trả một lần ngay sau khi bản án quyết định có hiệu lực pháp luật. Bà H không yêu cầu các thành viên khác trong gia đình bà D phải liên đới trả tiền. Ngoài ra, bà H không còn yêu cầu gì khác. Số tiền bà H mua máy may để cho bà D thuê là tài sản riêng của bà H.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện bà Phạm Song H khởi kiện yêu cầu bà D hoàn trả số tiền giá trị 20 máy may nhưng bà D đều vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản gì trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Song H bận việc nên có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D phải trả một lần cho bà H giá trị của 20 máy may theo chứng thư định giá là 194.655.000đồng và bồi thường thiệt hại theo hợp đồng là 194.655.000đồng. Tổng số tiền bà D có nghĩa vụ trả cho bà H là 389.310.000đồng, trả một lần ngay sau khi bản án quyết định có hiệu lực pháp luật theo các giấy cam kết thuê máy may ngày 18/4/2023, 19/5/2023 và 31/5/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Song H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc D phải trả một lần cho bà H giá trị của 20 máy may theo chứng thư định giá là 194.655.000đồng và bồi thường thiệt hại theo hợp đồng là 194.655.000đồng. Tổng số tiền bà D có nghĩa vụ trả cho bà H là 389.310.000đồng. Bị đơn bà D cư trú tại huyện Đ, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản” và thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn bà Phạm Song H bận việc nên có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về phạm vi giải quyết: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc D phải trả một lần cho bà H giá trị của 20 máy may theo chứng thư định giá là 194.655.000đồng và bồi thường thiệt hại theo hợp đồng là 194.655.000đồng. Tổng số tiền bà D có nghĩa vụ trả cho bà H là 389.310.000đồng, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu của các đương sự.

[1.3] Về quyền khởi kiện: Căn cứ theo các giấy cam kết thuê máy may thì hai bên thỏa thuận bà D có nghĩa vụ trả tiền thuê cho bà H hàng tháng. Tuy nhiên, sau khi thuê tài sản thì bà D chỉ trả cho bà H được số tiền 02 tháng tiền thuê là 5.200.000đồng theo giấy thuê ngày 18/4/2023, trả được một tháng tiền thuê là 6.200.000đồng theo giấy thuê ngày 19/5/2023 và trả được 01 tháng tiền thuê là 2.400.000đồng đối với giấy thuê ngày 31/5/2023. Bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền thuê nên bà H được quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 429, Điều 481 Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Song H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc D hoàn trả giá trị của 20 máy may thấy rằng:

[2.1.1] Vào ngày 18/4/2023, 19/5/2023 và 31/5/2023 bà Nguyễn Thị Ngọc D có ký các cam kết thuê tổng cộng là 20 máy may của bà Phạm Song H. Tại thời điểm ký các giấy cam kết này các bên tham gia ký kết đều có đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực pháp luật dân sự đầy đủ, việc giao kết hợp đồng xuất phát từ ý chí tự nguyện của các bên, không bị ép buộc, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 117 Bộ luật Dân sự. Do đó, có căn cứ xác định các giấy “Cam kết thuê máy may” được ký kết giữa bà H với bà D là có hiệu lực pháp luật.

[2.1.2] Căn cứ vào giấy viết tay thuê máy may thì sau khi ký kết, bà H đã thực hiện giao cho bà D tổng cộng là 20 máy may tại căn nhà tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An đúng theo yêu cầu của bà D. Sau khi giao máy may thì bà D là người trực tiếp quản lý, sử dụng và có trả tiền thuê máy may cho bà H được tổng số tiền là 13.800.000đồng. Từ đó đến nay bà D không còn trả cho bà H thêm khoản tiền thuê nào khác. Bà D đã chuyển toàn bộ số máy may nêu trên đi đâu không rõ, cũng không thông báo gì cho bà H biết. Căn cứ vào biên bản xác minh và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa vào ngày 10/5/2024 thì căn nhà tại địa chỉ ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An là do bà D mượn của người quen là ông Nguyễn Chí T để sinh sống từ năm 2021 đến năm 2023 và có kinh doanh may gia công. Đến tháng 6/2023 thì bà D đã trả nhà và di dời toàn bộ tài sản của bà D đi nơi khác bao gồm tất cả các máy may, hiện tại trong căn nhà tại ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An không còn máy may do bà D thuê của bà H. Căn cứ theo chứng thư thẩm định giá số 03/04/01/2024/TĐG LA-ĐS ngày 04/01/2024 của Công ty cổ phần T1 định giá giá trị của 20 máy may đã qua sử dụng là 194.655.000đồng. Do tất cả các máy may bà D đã di dời đi đâu không rõ nên bà H yêu cầu bà D trả giá trị của 20 máy may theo giá của Công ty Đ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 280, 472, 481 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Song H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc D bồi thường thiệt hại theo hợp đồng đã ký kết thấy rằng:

Theo các giấy cam kết thuê máy may ký ngày 18/4/2023, 19/5/2023 và 31/5/2023 giữa bà Nguyễn Thị Ngọc D và bà Phạm Song H thể hiện bà D cam kết “nếu mất máy thì bà D có trách nhiệm một đền hai”. Do hiện tại tài sản 20 máy may bà H cho bà D thuê không còn nên bà H yêu cầu bà D phải bồi thường giá trị theo giá chứng thư thẩm định giá 20 máy may là 194.655.000đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Dân sự.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn bà H được chấp nhận nên buộc bị đơn bà D phải chịu chi phí định giá là 6.500.000đồng và chi phí

xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đồng, tổng cộng là 8.500.000đồng. Bà H đã nộp và chi xong, bà D có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà H số tiền 8.500.000đồng này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 483 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 117, Điều 280, Điều 429, Điều 472, Điều 479, Điều 481, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Song H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc tranh chấp hợp đồng thuê tài sản.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Song H số tiền 389.310.000đồng (Ba trăm tám mươi chín triệu ba trăm mười nghìn đồng).

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về chi phí tố tụng: Bà D phải chịu 8.500.000đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng). Bà H đã nộp và chi xong, buộc bà D có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà H số tiền 8.500.000đồng này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 19.465.500đồng (Mười chín triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Phạm Song H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.400.000đồng theo biên lai thu số 0006874 ngày 03/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thẩm